

Số: 946/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/2/2020 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông báo số 83/TB-UBND ngày 29/4/2022 của UBND tỉnh về phiên họp UBND tỉnh tháng 4/2022;*

*Xét đề nghị của Ban Dân tộc tại văn bản số 09/TTr - BDT ngày 4/5/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025 ( Có Kế hoạch kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể;

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Chí Giang**

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2022-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 16/5/2022  
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2022-2025.

### **2. Yêu cầu**

- Tập trung giải quyết và hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp, đảm bảo phát triển toàn diện, bền vững kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

- Phân công rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thành phố trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp một cách đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của các Bộ ngành Trung ương, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và phải phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Khai thác tiềm năng, lợi thế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh; đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp khoảng cách về mức sống, thu nhập bình quân của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của tỉnh; tiếp tục tăng cường và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội đồng bộ, kết nối với các vùng phát triển; phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa; cải thiện rõ rệt đời sống nhân dân; nâng cao chất lượng

đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là người dân tộc thiểu số; giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố khối đoàn kết các dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến 2025**

- Phấn đấu mức thu nhập bình quân của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đến 2025 tăng trên 1,5 lần so với năm 2021.

- Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm hàng năm, đến năm 2024 còn dưới 1%, đến hết 2025 phấn đấu bằng với tỷ lệ hộ nghèo bình quân chung của tỉnh.

- 100% các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có hệ thống đường giao thông được rải nhựa hoặc bê tông hóa; 100% đường giao thông nội đồng được cứng hóa; 100% số trường, lớp học và trạm y tế tại các xã, thôn được xây dựng kiên cố và đạt chuẩn (theo quy định chuẩn mới của từng thời kỳ), đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và nâng cao đời sống của nhân dân.

- Tỷ lệ học sinh mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; tỷ lệ học sinh tiểu học và trung học cơ sở ra trường đạt 100%; tỷ lệ học sinh được đào tạo trình độ trung học phổ thông và tương đương trên 90%.

- Tăng cường công tác y tế để đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại; tiếp tục kiểm soát không chế, đẩy lùi các loại dịch bệnh ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 100% đồng bào DTTS được tham gia bảo hiểm y tế; 100% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 7%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo vùng DTTS và miền núi đạt trên 70%, trong đó lao động qua đào tạo được cấp bằng, chứng chỉ đạt từ 40% trở lên.

- Trên 80% số hộ dân vùng DTTS và miền núi được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn của Bộ Y tế.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh; 100% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng (nhà văn hóa); 100% thôn có đội (CLB) văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, chất lượng; đầu tư xây dựng 03 mô hình làng văn hóa dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch cộng đồng, tạo sinh kế cho người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Đảm bảo tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức

người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

## **II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Phạm vi của chương trình**

Trên địa bàn 11 xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, gồm: Đạo Trù, Bò Lý, Yên Dương, Minh Quang, Hồ Sơn, Đại Đình, Hợp Châu (huyện Tam Đảo); Trung Mỹ (huyện Bình Xuyên); Ngọc Thanh (thành phố Phúc Yên); Quang Yên (huyện Sông Lô); Quang Sơn (huyện Lập Thạch).

### **2. Đối tượng chương trình**

- Xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.
- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động ở địa bàn các xã, thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

**3. Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 đến hết 2025.

## **III. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt.**

#### **a) Mục tiêu:**

Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo phù hợp với tình hình cụ thể tại từng địa phương. Mục tiêu chung là phải đảm bảo cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo có đủ đất ở, giải quyết triệt để các nhu cầu đào tạo nghề phù hợp với điều kiện của đồng bào dân tộc thiểu số, vay vốn tín dụng ưu đãi để tạo điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh kế bền vững cho người dân.

**b) Đối tượng:** Hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi chưa có đất ở; chưa có nhà ở hoặc nhà ở bị dột nát, hư hỏng; hộ làm nghề nông, lâm, ngư nghiệp nhưng không có hoặc thiếu trên 50% đất sản xuất theo định mức quy định của địa phương; có khó khăn về nước sinh hoạt.

#### **c) Nội dung:**

##### **c1) Hỗ trợ đất ở:**

Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ là 294 hộ (trong đó có 42 hộ thiếu đất ở; 252 hộ đề nghị hỗ trợ phí, lệ phí làm thủ tục chia tách, hợp thức, chuyển đổi mục

đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất ở).UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất, hạn mức đất ở phù hợp trên địa bàn để xem xét, quyết định giao đất ở cho các hộ đối tượng, phù hợp điều kiện, tập quán ở địa phương và pháp luật về đất đai, cụ thể:

- Ở những nơi có điều kiện về đất đai: UBND cấp huyện chỉ đạo cải tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật, cấp đất ở cho hộ đối tượng. Kinh phí cải tạo mặt bằng, làm hạ tầng kỹ thuật do UBND cấp huyện bố trí từ nguồn ngân sách của huyện, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/trường hợp.

- Ở các địa bàn không có điều kiện về đất đai, UBND cấp huyện chỉ đạo UBND các xã sắp xếp, bố trí cho người dân ổn định chỗ ở theo hình thức xen ghép hoặc chia tách, hợp thức, chuyển đổi mục đích sử dụng đất đảm bảo theo quy định và phù hợp với thực tế của địa phương.

- Đối với hỗ trợ phí, lệ phí làm thủ tục chia tách, hợp thức, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận QSD đất ở: UBND cấp huyện và cấp xã rà soát, thống kê tổng hợp nhu cầu hỗ trợ từng loại, căn cứ danh sách, diện tích, địa điểm các hộ đối tượng, UBND huyện bố trí kinh phí của huyện để hỗ trợ làm thủ tục cho hộ đối tượng. Mức hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 và hoàn thành trong năm 2024.

c2) Hỗ trợ đất sản xuất: Do tỉnh Vĩnh Phúc không còn quỹ đất sản xuất để giao trực tiếp cho hộ đối tượng, vì đã thực hiện việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ, nên thực hiện bằng các hình thức khác thay thế hỗ trợ đất sản xuất, gồm:

\* Hỗ trợ đào tạo nghề, dạy nghề:

- Tổng số đối tượng có nhu cầu là 515 người, UBND các huyện chỉ đạo các cơ sở tổ chức đào tạo, dạy nghề phù hợp cho các đối tượng để thực hiện lồng ghép theo Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kế hoạch đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

\* Hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi:

- Hỗ trợ vay vốn tín dụng cho 371 hộ đối tượng để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nâng cao đời sống. Định mức vay tối đa không quá 100 triệu đồng/hộ, thời gian vay tối đa là 10 năm, lãi suất cho vay bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định hiện hành (nguồn ngân sách do tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội). Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh căn cứ

danh sách, nhu cầu của đối tượng, triển khai thực hiện cho vay vốn đối với các hộ đối tượng theo quy định.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025

c3) Hỗ trợ nước sinh hoạt: Đến nay, tỷ lệ hộ dân nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%. Vì vậy, tỉnh Vĩnh Phúc không còn đối tượng thực hiện nội dung này. Hiện tỉnh đang thu hút và khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch theo tiêu chuẩn 02/BYT của Bộ Y tế trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách đầu tư dự án cung cấp nước sạch và hỗ trợ giá nước sạch cho vùng nông thôn của tỉnh giai đoạn 2021-2025, trong đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 2/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch cho một số xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

#### **d) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện Dự án:**

Tổng nhu cầu vốn: 45.135 triệu đồng (vốn lồng ghép 2.575 triệu đồng, vốn bố trí mới 42.560 triệu đồng). Trong đó:

- Ngân sách tỉnh (nguồn chi thường xuyên): 2.575 triệu đồng.

- Ngân sách huyện: 5.460 triệu đồng.

- Vốn vay tín dụng: 37.100 triệu đồng.

*(Chi tiết trong biểu số 01 kèm theo)*

#### **e) Phân công thực hiện:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ đất ở.

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ đào tạo nghề.

- Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi; phối hợp với Ban Dân tộc kiểm tra các đơn vị, địa phương thực hiện.

- UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung: Hỗ trợ đất ở, đào tạo nghề; phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung của dự án.

## **2. Dự án 2: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

### **2.1. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**

**a) Mục tiêu:** Hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng, miền; khai thác tiềm năng lợi thế theo hướng chuyển đổi cơ

cấu cây trồng, vật nuôi có hiệu quả, tạo việc làm nâng cao thu nhập cho hộ dân, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**b) Phạm vi:** Trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

**c) Nội dung thực hiện:**

c1) Đầu tư, phát triển mô hình chăn nuôi gia súc theo chuỗi giá trị:

- Hỗ trợ mỗi xã xây dựng 01 mô hình/dự án chăn nuôi lợn. Hộ gia đình, doanh nghiệp, hợp tác xã có dự án đầu tư cơ sở chăn nuôi tập trung được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí, nhưng tối đa không quá 3.000 triệu đồng/mô hình để hỗ trợ xây dựng trang trại chăn nuôi, mua giống, xây dựng cơ sở hạ tầng về xử lý chất thải, giao thông, điện nước, nhà xưởng và mua thiết bị, thuốc thú y,... Điều kiện hỗ trợ: tối thiểu 500 con lợn thịt hoặc 300 con lợn nái sinh sản hoặc 500 con cả lợn thịt và lợn nái sinh sản/mô hình.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

c2) Đầu tư, phát triển mô hình trồng cây ăn quả, rau an toàn theo tiêu chuẩn ViệtGap:

- Hỗ trợ mỗi xã xây dựng 01 mô hình/dự án trồng cây ăn quả, hoặc trồng rau an toàn, phù hợp với điều kiện từng địa phương; quy mô tối thiểu 1ha/mô hình trồng rau an toàn, 2ha/mô hình trồng cây ăn quả. Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, nhưng tối đa không quá 2.000 triệu đồng/mô hình để hỗ trợ mua giống cây, xây dựng hệ thống đường giao thông, điện, hệ thống tưới, tiêu, nhà lưới, nhà lạnh, hệ thống thu gom và xử lý chất thải,...

d) Phương thức thực hiện:

Đối với hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Đối tượng và nội dung thực hiện theo Nghị quyết số 86/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đối với hỗ trợ đầu tư: Đối tượng và nội dung thực hiện Nghị quyết số 87/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020-2025.

Đối với hỗ trợ phát triển sản xuất: Đối tượng và nội dung thực hiện theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho nông dân tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**



Tổng nhu cầu vốn: 62.700 triệu đồng (vốn bố trí mới), trong đó:

- Nguồn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh: 55.000 triệu đồng.
- Nguồn huy động từ tổ chức, người dân: 7.700 triệu đồng.

*(Chi tiết trong biểu số 02 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện:**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung trên.

- UBND các huyện, thành phố chủ trì, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn; kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

**2.2. Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

**a) Mục tiêu:** Thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh trong đồng bào dân tộc thiểu số dựa trên tiềm năng, thế mạnh và nguồn tài nguyên sẵn có tại địa phương; tạo việc làm và thu nhập ổn định kết hợp với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, tri thức truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

**b) Phạm vi:** Trên địa bàn các xã, thị trấn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

**c) Nội dung:** Hỗ trợ mỗi xã từ 01 đến 03 mô hình/dự án khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh về các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đối tượng, nội dung hỗ trợ thúc đẩy, khởi sự kinh doanh và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 53/2021/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh quy định mức hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (Chương trình OCOP).

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:**

Tổng nhu cầu vốn: 3.400 triệu đồng (nguồn vốn bố trí mới), từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh.

*(Chi tiết trong biểu số 02 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện:**

- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, hướng dẫn các đơn vị, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dự án.

- UBND các huyện, thành phố chủ trì, chỉ đạo UBND các xã tổ chức triển khai thực hiện các mô hình/dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

### **3. Dự án 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

**a) Mục tiêu:** Tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế-xã hội.

**b) Đối tượng:** Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh.

**c) Nội dung:** Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2025 thực hiện lồng ghép theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 3/8/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Vĩnh Phúc; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm của tỉnh giai đoạn 2021-2025; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

#### **e) Kinh phí và nguồn vốn thực hiện dự án:**

Kinh phí và nguồn vốn đầu tư dự án theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 3/8/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Vĩnh Phúc và điều chỉnh khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

#### **g) Phân công thực hiện:**

Các sở, ngành, địa phương chỉ đạo, hướng dẫn, lồng ghép tổ chức triển khai thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã theo danh mục các công trình đã được phê duyệt trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Phúc; phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ, đột xuất.

### **4. Dự án 4: Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.**

#### **4.1. Đầu tư cơ sở vật chất, củng cố phát triển các trường phổ thông có học sinh bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và phát triển các trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đầu tư bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất cho các trường chưa đạt chuẩn Quốc gia theo quy định (chuẩn mới), đảm bảo tốt việc dạy và học (kể cả học trực tuyến); nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh bán trú; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông có học sinh bán trú.

**b) Đối tượng:** Hệ thống các trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh đang

trực tiếp quản lý, giảng dạy và học tập tại các trường phổ thông có học sinh bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**c) Nội dung:**

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất khối phòng/công trình phục vụ học tập, giảng dạy và ăn, ở, sinh hoạt cho học sinh và phòng công vụ giáo viên; các công trình phụ trợ khác.

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số giáo dục phục vụ việc giảng dạy và học tập trực tuyến cho học sinh.

UBND các huyện, thành phố rà soát, lập danh mục và đề xuất các hạng mục đầu tư, hỗ trợ cho các trường phổ thông có học sinh bán trú trên địa bàn các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2022-2025, tổng hợp trình UBND tỉnh bố trí vốn thực hiện.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Kinh phí và nguồn vốn thực hiện**

Kinh phí đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Vĩnh Phúc; Đề án “Phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030” và các văn bản khác được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**g) Phân công thực hiện**

- Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án “Phát triển giáo dục tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030”; chủ trì, chỉ đạo, phối hợp hướng dẫn lồng ghép và ưu tiên các nguồn lực cho các đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện các nội dung trên theo dự án.

- UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nội dung trên theo dự án sau khi được phê duyệt.

**4.2. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc**

**a) Mục tiêu:** Nâng cao, cập nhật kiến thức dân tộc, văn hóa dân tộc thiểu số, chính sách dân tộc cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; cán bộ cơ sở vùng đồng bào DTTS&MN.

**b) Đối tượng:** Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức theo dõi công tác dân tộc của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố liên quan; cán bộ, công chức, viên chức các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số, gồm 02 nhóm đối tượng: Nhóm đối tượng 3 và 4 tại địa phương được quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg ngày 26/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề

án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”; lực lượng công an, quân đội công tác, đóng quân và làm việc ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**c) Nội dung thực hiện:**

-Tổ chức bồi dưỡng kiến thức dân tộc, chính sách dân tộc hàng năm cho 2 nhóm đối tượng 3 và 4 theo quy định tại Quyết định số 771/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ theo Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện dự án từ 2022-2025 là 1.560 triệu đồng, từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 03 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện.**

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai tổ chức thực hiện.

**4.3. Hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.**

**a) Mục tiêu:**

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi.

- Hỗ trợ lao động là người dân tộc thiểu số tiếp cận thuận lợi với thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm; hỗ trợ thanh niên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng.

**b) Đối tượng:**

-Người lao động là người dân tộc thiểu số; người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ quan quản lý về giáo dục nghề nghiệp các cấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các trung tâm dịch vụ việc làm, cơ sở giới thiệu việc làm có hoạt động liên quan đến người lao động là người dân tộc thiểu số và người lao động là dân

tộc Kinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo sinh sống ở các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Các doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đi làm việc ở nước ngoài.

**c) Nội dung thực hiện:**

Hỗ trợ đào tạo nghề cho 1.501 người vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong độ tuổi lao động, UBND các huyện căn cứ vào các quy định hiện hành, chỉ đạo các cơ sở dạy nghề, giáo dục nghề nghiệp rà soát, phân loại đối tượng, nhu cầu ngành nghề và tổ chức lồng ghép đào tạo, dạy nghề phù hợp cho các đối tượng theo Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về kế hoạch đào tạo nghề giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu vốn thực hiện dự án từ 2022-2025 là: 2.516 triệu đồng, từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn lồng ghép).

*(Chi tiết trong biểu số 03 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện.**

- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, hướng dẫn các ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ đào tạo nghề; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trên.

- UBND các huyện, thành phố chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện đào tạo nghề cho đối tượng có nhu cầu trên địa bàn.

**4.4. Đào tạo, nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.**

**a) Mục tiêu:** Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ thực hiện Chương trình (bao gồm quy trình triển khai dự án; quản lý tài chính và thanh quyết toán; quy trình lập kế hoạch; kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện); các kỹ năng về phát triển cộng đồng và các nội dung liên quan khác cho cán bộ cơ sở thực hiện Chương trình cấp xã và cấp thôn.

**b) Đối tượng:**

- Cộng đồng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng, ưu tiên phụ nữ và người dân tộc thiểu số.

- Cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp: Nâng cao năng lực cán bộ thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc ở các cấp (bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của

Chương trình), cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tham gia vào quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình.

**c) Nội dung:**

- Giai đoạn 2022-2025 tổ chức đào tạo, tập huấn tại 11 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cho các đối tượng: Ban giám sát cộng đồng xã, đại diện cộng đồng, người dân, cộng tác viên giảm nghèo, các tổ duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng tại thôn, người có uy tín trong cộng đồng; cán bộ các tổ chức đoàn thể, lực lượng cốt cán, người có uy tín trong cộng đồng, các chức sắc, chức việc tôn giáo tại các xã, thôn. Mỗi lớp 120 người, tổ chức mỗi xã/lớp/năm.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ thuộc các cơ quan, ban, ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình. Mỗi lớp 60 người, tổ chức mỗi năm/lớp.

- Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh cho cán bộ tham gia thực hiện Đề án các cấp, mỗi năm 01 chuyến.

d) Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2022-2025 là 6.320 triệu đồng, từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 03 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện:**

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức, triển khai thực hiện.

**5. Dự án 5: Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.**

**a) Mục tiêu:** Khôi phục, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh gắn với phát triển du lịch cộng đồng.

**b) Đối tượng:** Các huyện, thành phố; các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bản sắc văn hóa, di sản văn hóa của đồng bào DTTS; đồng bào các dân tộc thiểu số, nghệ nhân người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc; văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số; lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS, thiết chế văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS và miền núi; doanh nghiệp, HTX,

các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội hoạt động ở địa bàn vùng đồng bào DTTS và miền núi.

**c) Nội dung thực hiện:**

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể.

- Hỗ trợ nghiên cứu, phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ bị mai một (các hình thức sinh hoạt văn hóa, tập quán xã hội, nhạc cụ, kiến trúc truyền thống, trang phục truyền thống, các môn thể thao truyền thống, tiếng nói, chữ viết,...) (thực hiện theo Quyết định số 4036/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2019 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về việc ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn; nội dung, quy trình và định mức kinh tế-kỹ thuật trong bảo tồn, phục dựng, lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số).

- Xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số (mô hình trải nghiệm, tìm hiểu văn hóa đặc thù các dân tộc thiểu số, mô hình bảo vệ văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số; mô hình xây dựng đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số; mô hình di sản kết nối gắn với các hành trình du lịch di sản để phát triển cộng đồng các dân tộc thiểu số có di sản tương đồng)

- Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng di dân tái định cư; hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống (Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về hỗ trợ đối với nghệ nhân lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các câu lạc bộ dân ca tiêu biểu tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025).

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu.

(Thực hiện theo Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 9/6/2021 phê duyệt Đề án phát triển du lịch huyện Tam Đảo đến năm 2025 định hướng đến năm 2030).

- Xây dựng nội dung, xuất bản sách, đĩa phim tư liệu về văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc thiểu số để cấp phát cho cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số nhân ngày 19/4.

- Đầu tư xây dựng 02 mô hình làng văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số gắn bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển du lịch, dịch vụ, tạo sinh kế cho người dân, trong đó 01 mô hình làng văn hóa của đồng bào dân tộc Sán Diu ở huyện Bình Xuyên; 01 mô hình làng văn hóa của đồng bào dân tộc Dao và Cao Lan ở huyện Sông Lô.

- Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến nhu cầu kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2022-2025 là 182.100 triệu đồng (vốn lồng ghép là 20.100 triệu đồng, vốn huy động xã hội hóa bố trí mới 162.000 triệu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh: 2.000 triệu đồng.

- Nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh: 18.100 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách huyện: 21.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn huy động khác: 141.000 triệu đồng.

*(Chi tiết trong biểu số 04 kèm theo)*

**e) Phân công thực hiện:**

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành hướng dẫn và chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của dự án.

- UBND các huyện Tam Đảo, Bình Xuyên chủ trì, triển khai đầu tư xây dựng mô hình làng văn hóa của đồng bào dân tộc Sán Dìu gắn bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển du lịch, tạo sinh kế cho người dân; UBND huyện Sông Lô chủ trì, triển khai đầu tư xây dựng mô hình làng văn hóa của đồng bào dân tộc Dao và Cao Lan gắn bảo tồn văn hóa truyền thống với phát triển du lịch, tạo sinh kế.

- UBND các huyện, thành phố phối hợp triển khai thực hiện các nội dung của dự án trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện.

**6. Dự án 6: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.**

**a) Mục tiêu:** Cải thiện sức khỏe của người dân tộc thiểu số về thể chất và tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ. Tăng cường công tác y tế cơ sở để đồng bào DTTS được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại. Tiếp tục khống chế, tiến tới loại bỏ dịch bệnh ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**b) Đối tượng:** Người dân thuộc các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh, đặc biệt là phụ nữ mang thai, bà mẹ, trẻ em và người cao tuổi; Trung tâm y tế huyện, thành phố; nhân viên Trung tâm y tế tuyến huyện có xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trạm y tế xã; cán bộ y tế,



dân số; nhân viên trạm y tế xã; viên chức dân số xã; nhân viên y tế thôn; cộng tác viên dân số ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**c) Nội dung:**

\* Xây dựng và phát triển y tế cơ sở vùng đồng bào DTTS & MN.

- Đầu tư cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thiết yếu cho trạm y tế các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật về trạm y tế xã.

- Đào tạo y học gia đình cho nhân viên trạm y tế xã.

(Các nội dung trên thực hiện lồng ghép theo Đề án “Tăng cường đào tạo, chuyển giao kỹ thuật, nâng cao năng lực chuyên môn y tế xã phường giai đoạn 2019-2025” của Bộ Y tế và Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn của các trạm y tế xã theo nguyên lý y học gia đình trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025).

\* Nâng cao chất lượng dân số vùng đồng bào DTTS&MN

- Phổ cập dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh trước sinh và sơ sinh với sự tham gia của toàn xã hội tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

(Thực hiện lồng ghép theo Kế hoạch số 214/KH-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về triển khai thực hiện Chương trình mở rộng tầm soát, chuẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh đến năm 2030).

- Hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực quản lý dân số.

\* Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ- trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số:

- Chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời cho bà mẹ-trẻ nhỏ lồng ghép trong chăm sóc trước, trong, sau sinh nhằm nâng cao tầm vóc, thể lực người dân tộc thiểu số.

(Thực hiện lồng ghép theo Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 02/7/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về thực hiện Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng, chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh).

- Tuyên truyền, vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ-trẻ em:

+ Biên tập, soạn tài liệu đào tạo về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em phù hợp với vùng đồng bào DTTS và miền núi; In ấn poster tuyên truyền.

+ Tập huấn cho cán bộ y tế, cộng tác viên y tế huyện, xã về kiến thức, kỹ năng truyền thông về chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ mang thai và bà mẹ nuôi con nhỏ; phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai, phụ nữ, trẻ em; tư vấn, thực hành dinh dưỡng 1000 ngày đầu đời.

+ Tập huấn, tuyên truyền vận động, truyền thông thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ vùng DTTS&MN.

+ Tổ chức các lớp tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong các trường nội trú, bán trú về dinh dưỡng học đường, đảm bảo bữa ăn hợp lý và an toàn cho trẻ em cho giáo viên, nhân viên các trường học từ mầm non đến THCS của các xã vùng DTTS&MN.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí giai đoạn 2022-2025 là 70.777,8 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (trong đó vốn lồng ghép 6.880 triệu đồng, vốn bố trí mới 63.897,83 triệu đồng).

*(Chi tiết trong biểu số 04 kèm theo)*

**e) Phân công thực hiện:**

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của dự án; tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh ban hành chính sách đặc thù về hỗ trợ bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh giai đoạn 2022-2026.

**7. Dự án 7: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.**

**7.1. Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số:**

**a) Mục tiêu:** Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác phát động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Biểu dương, tôn vinh, ghi nhận công lao, sự đóng góp của các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**b) Đối tượng:** Già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán có uy tín trong vùng đồng bào DTTS&MN; các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào DTTS&MN có nhiều đóng góp trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc và hội nhập quốc tế.

**c) Nội dung:**

- Xây dựng, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín:

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Xây dựng, phát hiện, bồi dưỡng, lựa chọn, quản lý, sử dụng đội ngũ người có uy tín và lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, cung cấp thông tin, gặp mặt, tọa đàm trao đổi, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm, trang bị phương tiện nghe nhìn phù hợp cho lực lượng cốt cán, người có uy tín, nhằm nâng cao năng lực, khả năng tiếp cận thông tin, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ, kịp thời động viên và có biện pháp bảo vệ phù hợp trong công tác vận động, phát huy vai trò của lực lượng cốt cán và người có uy tín trong vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến trong vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Định kỳ tổ chức (2 năm/lần) các hoạt động biểu dương, tôn vinh đối với điển hình tiên tiến (già làng, trưởng bản, người có uy tín, cán bộ cốt cán, nhân sỹ trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, thanh niên tiêu biểu người DTTS trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người có uy tín theo quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

#### **d) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 là 7.560 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 06 kèm theo)*

#### **e) Phân công thực hiện:**

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện các nội dung trên; tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ hoạt động cho người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh..

### **7.2. Phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

**a) Mục tiêu:** Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức cho già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

**b) Đối tượng:** Người dân cư trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Lãnh đạo tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã, thôn, già làng, trưởng bản, người có uy tín, chức sắc, chức việc tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**c) Nội dung thực hiện:**

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, hội thi, nói chuyện chuyên đề, xây dựng mô hình điểm, câu lạc bộ tuyên truyền pháp luật; lồng ghép với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, lễ hội truyền thống của đồng bào DTTS.

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục đặc thù, tiểu phẩm, câu chuyện pháp luật tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Biên soạn, phát hành tài liệu (cẩm nang, sổ tay, tờ gấp, tờ rơi, các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền...).

- Tiếp tục thực hiện việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí và nghiên cứu đổi mới hình thức cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo [Quyết định số 45/QĐ-TTg](#) ngày 09/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, truyền thông, vận động nhân dân vùng đồng bào DTTS&MN tham gia triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 là 4.120 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 06 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện:**

- Sở Tư pháp chủ trì, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng Nghị quyết về tăng cường và triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn cho giai đoạn 2022-2025, trên địa bàn tỉnh.

- Ban Dân tộc xây dựng kế hoạch và nhu cầu thực hiện các nội dung giai đoạn 2022-2025 và hàng năm trình UBND tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung trên.

### **7.3. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

**a) Mục tiêu:** Bảo đảm công bằng trong tiếp cận công lý của người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xây dựng các mô hình điểm giúp đồng bào kịp thời tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý chất lượng để được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi gặp vướng mắc, tranh chấp pháp luật.

**b) Đối tượng:** Già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng, cán bộ cơ sở, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người thực hiện trợ giúp pháp lý và cán bộ các cơ quan liên quan.

#### **c) Nội dung:**

- Nâng cao nhận thức trợ giúp pháp lý đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xây dựng các chương trình về trợ giúp pháp lý cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức tập huấn về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý, về tiếp cận trợ giúp pháp lý đối với nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tổ chức chuyên đề trợ giúp pháp lý điểm kết nối cộng đồng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Biên soạn, cung cấp các tài liệu truyền thông về chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

#### **e) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 là 2.000 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 06 kèm theo)*

#### **g) Phân công thực hiện:**

- Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện.

- Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung.

### **7.4. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**

**a) Mục tiêu:** Hỗ trợ đồng bào DTTS được tiếp cận thông tin về khoa học công nghệ và quảng bá các sản phẩm của địa phương ra thị trường trong nước, quốc tế. Nâng cao khả năng ứng dụng và sử dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế-xã hội cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đặc biệt là ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong thực hiện Chương trình.

**b) Đối tượng:** Đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, thôn thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu khai thác, trao đổi thông tin về công tác dân tộc.

**c) Nội dung:**

- Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (thực hiện theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thông qua Đề án hoàn thiện chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án hoàn thiện chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025).

- Tổ chức thực hiện các hoạt động Hội nghị, hội thảo, buổi làm việc trực tuyến của Ban Chỉ đạo Chương trình của tỉnh và cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo của tỉnh liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, gồm:

+ Xây dựng hệ thống thông tin tuyên truyền phổ biến, giáo dục về pháp luật và công tác dân tộc cho đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ 4.0 cấp tỉnh.

+ Triển khai kết nối hệ thống Hội nghị trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh kết nối với Ủy ban Dân tộc; các địa phương vùng DTTS&MN.

- Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự (thực hiện theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2019-2025” trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc).

- Hỗ trợ đưa các hộ sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi lên sàn thương mại điện tử.

d) Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

#### **e) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung: Triển khai kết nối hệ thống Hội nghị trực tuyến tại Ban Dân tộc tỉnh kết nối với Ủy ban Dân tộc; các địa phương vùng DTTS&MN là 1.000 triệu đồng từ nguồn vốn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 06 kèm theo)*

#### **g) Phân công thực hiện:**

- Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc, các ngành liên quan tổ chức thực hiện các nội dung: Chuyển đổi số trong tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; Triển khai kết nối hệ thống hội nghị trực tuyến tại Ban Dân tộc với Ủy ban Dân tộc và kết nối từ tỉnh đến các xã vùng DTTS&MN; Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin.

- Sở Công thương xây dựng kế hoạch nhu cầu đầu tư thực hiện nội dung: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gửi Ban Dân tộc tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các ngành, UBND các huyện, các xã liên quan tổ chức triển khai thực hiện nội dung: Hỗ trợ xây dựng và duy trì chợ sản phẩm trực tuyến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

#### **7.5. Kiểm tra, giám sát, đánh giá tổ chức thực hiện Chương trình.**

**a) Mục tiêu:** Thiết lập hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đề ra.

**b) Đối tượng:** Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; người dân trên địa bàn thụ hưởng Chương trình.

#### **c) Nội dung:**

- Triển khai thực hiện Bộ chỉ số theo dõi thực hiện Chương trình, bao gồm: các chỉ tiêu, mục tiêu đánh giá kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án; xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát, phục vụ cho quản lý và tổ chức thực hiện (theo phần mềm quản lý ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động do Trung ương cung cấp và hướng dẫn sử dụng).

- Tham gia chương trình tập huấn, vận hành phần mềm giám sát, đánh giá (do Trung ương tổ chức thực hiện) đối với các cơ quan chủ trì và các đơn vị tham gia tổ chức thực hiện Chương trình, phục vụ công tác thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin giám sát, đánh giá kịp thời cho yêu cầu quản lý.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện ở các cấp; hoạt động giám sát đầu tư của cộng đồng, huy động người dân tham gia

giám sát cộng đồng. Tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các chính sách của Chương trình.

**d) Thời gian thực hiện:** Từ năm 2022 hoàn thành trong năm 2025.

**e) Dự kiến kinh phí và nguồn vốn thực hiện:**

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện giai đoạn 2022-2025 là 400 triệu đồng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách tỉnh (nguồn vốn bố trí mới).

*(Chi tiết trong biểu số 06 kèm theo)*

**g) Phân công thực hiện:**

Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện.

## **V. TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ DỰ KIẾN VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Tổng mức vốn dự kiến để thực hiện Chương trình giai đoạn 2022-2025 là **391.588,8 triệu đồng** (vốn lồng ghép các chương trình 32.071 triệu đồng, vốn bố trí mới 359.517,8 triệu đồng), trong đó:

**1. Vốn ngân sách tỉnh:** 179.328,8 triệu đồng, gồm:

- Vốn đầu tư: 57.000 triệu đồng.

- Vốn chi thường xuyên: 122.328,8 triệu đồng.

**2. Vốn tín dụng Ngân hàng Chính sách Xã hội:** 37.100 triệu đồng.

**3. Vốn ngân sách huyện:** 26.460 triệu đồng.

**4. Vốn huy động hợp pháp khác:** 148.700 triệu đồng.

**5. Dự kiến phân kỳ đầu tư:**

+ Năm 2022: 90.601 triệu đồng.

+ Năm 2023: 154.936 triệu đồng.

+ Năm 2024: 115.771 triệu đồng.

+ Năm 2025: 30.281 triệu đồng.

*(Chi tiết trong biểu tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình kèm theo)*

## **VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Về công tác tuyên truyền**

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng mục tiêu của Chương trình đến các cấp, các ngành và các tầng lớp nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong công tác dân tộc, chính sách dân tộc, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý trí chủ động, vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

**2. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo**



- Các cấp, các ngành, địa phương từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục tổ chức quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về công tác dân tộc và chính sách đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đây là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nội dung nhiệm vụ, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình trước năm 2025. Nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, đề xuất cơ chế quản lý, điều hành triển khai có hiệu quả của Chương trình và lồng ghép với các Chương trình mục tiêu Quốc gia trên địa bàn, nhằm tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương thực hiện các nội dung, dự án của Chương trình, để tăng tính chủ động trong tổ chức triển khai thực hiện.

### **3. Về giải pháp huy động vốn**

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn để thực hiện Chương trình, trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò quan trọng, chủ yếu và có ý nghĩa quyết định; tăng cường huy động các nguồn đóng góp hợp pháp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và của người dân vào thực hiện Chương trình.

- Bảo đảm cân đối, huy động, lồng ghép, ưu tiên bố trí vốn đầy đủ, kịp thời để thực hiện các nội dung của Chương trình hàng năm và cả giai đoạn 2022-2025 đối với 11 xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; các cấp, các ngành, các địa phương có trách nhiệm quan tâm, chăm lo ưu tiên và tập trung nguồn lực cho Chương trình, nhằm sớm hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch.

### **4. Về quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình**

Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình Mục tiêu quốc gia của tỉnh (gồm 03 chương trình Mục tiêu quốc gia), trong đó giao Ban Dân tộc là cơ quan Thường trực giúp Ban chỉ đạo của tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện đối với Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2022-2025.

Đối với cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình đối với cấp huyện, giao phòng chuyên môn phù hợp là bộ phận thường trực giúp Ban chỉ đạo huyện triển khai thực hiện các nội dung trên địa bàn huyện.

### **5. Về giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số**

Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo vùng

đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo phù hợp với tình hình cụ thể tại từng địa phương. Mục tiêu chung là phải đảm bảo cho đồng bào có đủ đất ở, giải quyết triệt để các nhu cầu đào tạo nghề, vay vốn tín dụng ưu đãi để tạo điều kiện mở rộng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và sinh kế bền vững cho người dân.

#### **6. Về hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**

- Trú trọng và đẩy mạnh phát triển kinh tế nông nghiệp theo chuỗi giá trị, tạo ra các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng gắn với chương trình mỗi xã một sản phẩm; đẩy mạnh thúc đẩy khởi sự, khởi nghiệp kinh doanh, thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh; tạo việc làm, nâng cao thu nhập và mức sống cho người dân.

- Tập trung ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh sản xuất hàng hóa lớn có lợi thế của từng vùng, từng xã như: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản kết hợp công nghệ chế biến; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển mạnh sản xuất nông nghiệp truyền thống sang liên kết sản xuất nông sản theo chuỗi giá trị; sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm an toàn, nông nghiệp hữu cơ; chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với đặc điểm từng địa bàn.

- Tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích bằng các cơ chế về đất đai, thuế, lao động, nhằm thu hút đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ; tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn để tập trung đầu tư thực hiện chương trình.

#### **7. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chế độ, chính sách trong giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ cho người dạy, người học tiếng dân tộc thiểu số; chính sách đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, nghề....

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên, phù hợp trong đào tạo phát triển nguồn nhân lực và sử dụng cán bộ, đào tạo cán bộ nguồn là con em các dân tộc sinh sống trên địa bàn các xã, thôn vùng dân tộc miền núi; Có cơ chế, chính sách luân chuyển có thời hạn đối với cán bộ, công chức ở cấp tỉnh, cấp huyện về cơ sở. Nâng cao năng lực cán bộ cơ sở, cộng đồng, tạo điều kiện để cộng đồng tham gia có hiệu quả vào việc lập kế hoạch, giám sát hoạt động về đầu tư, hỗ trợ các Chương trình, dự án, chính sách trên địa bàn.

- Thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện của từng địa phương, góp phần quan trọng giải quyết việc làm, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng phát triển bền vững.

**8. Về chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số.**

- Tiếp tục tập trung triển khai thực hiện nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; triển khai thực hiện có hiệu quả các chiến lược giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030 về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao chất lượng dân số và sức khỏe sinh sản; phòng chống suy dinh dưỡng; chương trình quốc gia an toàn thực phẩm.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của trạm y tế xã; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; tăng cường triển khai các chương trình hỗ trợ dinh dưỡng, chăm sóc đối với bà mẹ và trẻ em ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Nâng cao tỷ lệ khám chữa bệnh và chất lượng các dịch vụ y tế, nhất là tuyến cơ sở; phát triển y học dân tộc kết hợp với y học hiện đại; đẩy mạnh phát triển y tế dự phòng; thực hiện các giải pháp đồng bộ, tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám chữa bệnh hiện đại. Nâng cao sức khỏe cả thể chất lẫn tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ của người dân.

### **9. Về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong xây dựng làng, thôn văn hóa, xây dựng gia đình văn hóa, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo tiêu chí xã, thôn đạt chuẩn nông thôn mới. Khai thác tiềm năng, thế mạnh của vùng về phát triển du lịch, dịch vụ, phát triển kinh tế gắn với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số; tiềm năng du lịch tâm linh, tôn giáo, lịch sử cách mạng, văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng,...

- Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân; đầu tư xây dựng và trang bị đầy đủ hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đối với từng xã, thôn; quan tâm tu bổ, bảo tồn các công trình di tích lịch sử, văn hóa; sưu tầm, bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, dịch vụ. Phát huy vai trò làm chủ của đồng bào dân tộc trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu.

- Quy hoạch, lựa chọn các vùng có tiềm năng về phát triển du lịch, phát triển văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch để kêu gọi đầu tư; bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, đảm bảo các điều kiện cần thiết để tạo đà cho phát triển du lịch, dịch vụ.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Ban Dân tộc**

- Là cơ quan Thường trực quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Chương trình; đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả và điều phối chung việc triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ngành tham mưu tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ, bố trí vốn ngân sách tỉnh hàng năm, báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét phê duyệt; Phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể liên quan tham mưu huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ theo nội dung của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu thực hiện một số nội dung được phân công chủ trì thực hiện của Chương trình theo Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn các Sở, ngành, UBND cấp huyện thực hiện chế độ thông tin, báo cáo; kiểm tra, giám sát việc thực hiện đối với các địa phương; định kỳ đánh giá tổng hợp kết quả, tiến độ thực hiện Kế hoạch hàng năm; tổng kết vào năm 2025 và đề xuất cơ chế, chính sách tiếp tục thực hiện cho giai đoạn tiếp theo.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ nguồn vốn đầu tư công cho các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công cấp tỉnh vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn trên địa bàn tỉnh cho cả giai đoạn và hàng năm.

- Hướng dẫn cụ thể việc lập kế hoạch, bố trí, quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển để thực hiện các dự án đầu tư công thuộc Kế hoạch theo quy định của Luật đầu tư công và các quy định có liên quan.

### **3. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan đề xuất, tham mưu cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn sự nghiệp để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cân đối, bố trí vốn đầu tư thực hiện Kế hoạch theo lộ trình được phê duyệt.

- Hướng dẫn phân bổ và sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo đảm thực hiện Kế hoạch cho các đơn vị, địa phương.

### **4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chủ trì tham mưu lồng ghép nguồn vốn nông thôn mới hàng năm và hướng dẫn huy động các nguồn lực khác có cùng mục tiêu để thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu cơ chế, chính sách thúc đẩy hình thành và phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch, gắn với thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo kế hoạch của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, nhằm phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân thuộc Dự án 3.

### **5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì tổ chức, hướng dẫn các địa phương mở các lớp đào tạo nghề, hướng nghiệp cho lao động nông thôn; tham mưu cụ thể hóa và thực hiện kế hoạch đào tạo, dạy nghề cho lao động người dân tộc thiểu số, lao động tại các địa phương thuộc phạm vi của Kế hoạch giai đoạn 2022-2025.

- Chủ trì, chỉ đạo thực hiện các nội dung: Hỗ trợ đào tạo nghề, dạy nghề thuộc Dự án 1; Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc người dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 5.

### **6. Sở Y tế**

- Chủ trì tham mưu thực hiện việc duy trì, nâng cấp, phát huy hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi; tham mưu, đề xuất giải pháp, tham mưu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ BHYT cho đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã, thôn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Chủ trì tham mưu, hướng dẫn thực hiện các nội dung thuộc Dự án 6.

### **7. Sở Văn hóa và Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tăng cường hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị cho nhà văn hóa xã, thôn theo mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, gắn với phát huy tiềm năng lợi thế về điều kiện tự nhiên, văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc tại các xã, thôn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phối hợp với các địa phương quảng bá, kết nối các điểm du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu thực hiện các nội dung thuộc Dự án 6.

### **8. Sở Thông tin và truyền thông**

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi Kế hoạch thực hiện hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông theo mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Rà soát, hướng dẫn các địa phương tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông ở cơ sở; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông nâng cao chất lượng dịch vụ mạng di động, internet tại các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu chỉ đạo thực hiện nội dung: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Dự án 10 của Kế hoạch.

- Chỉ đạo truyền thông các nội dung và tình hình triển khai, thực hiện Kế hoạch.

### **9. Sở Công thương**

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương thuộc phạm vi Kế hoạch về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, năng lượng, thương mại dịch vụ, hạ tầng thương mại; tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá, tạo và liên kết thị trường, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Tham mưu chỉ đạo thực hiện việc đầu tư xây dựng, bảo trì, nâng cấp hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, mạng lưới chợ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phối hợp với các ngành tham mưu thực hiện các nội dung: xây dựng chợ sản phẩm trực tuyến vùng DTTS&MN thuộc Dự án 10.

### **10. Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện các giải pháp về bảo vệ môi trường nông thôn, miền núi, bảo đảm phát triển bền vững theo mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn việc quản lý, giám sát khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên phục vụ xây dựng nông thôn mới và giải pháp về xử lý nước thải, rác thải, bảo vệ môi trường sinh thái trên địa bàn các xã thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Hướng dẫn các địa phương về nội dung liên quan đến hỗ trợ đất ở, thủ tục, trình tự giải quyết hỗ trợ đất ở cho đối tượng thuộc Dự án 1.

### **11. Sở Tư pháp**

- Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý đối với địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **12. Sở Xây dựng**

- Phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tham mưu việc quy hoạch đất ở cho đồng bào dân tộc thiểu số; phối hợp trong quy hoạch địa điểm xây

dựng các mô hình làng văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số theo mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

### **13. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì tham mưu chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các cơ chế, chính sách của nhà nước, của tỉnh về khoa học và công nghệ để khuyến khích ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, chế biến, tiêu thụ, nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng của các sản phẩm nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập, chuyển đổi phương thức sản xuất theo hướng hàng hóa cho người dân.

- Phối hợp thực hiện tốt công tác phổ biến, tuyên truyền về các cơ chế, chính sách về phát triển, ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh; tiếp tục hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ đối với vùng đồng bào DTTS, miền núi.

### **14. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng giáo dục, chuẩn hóa về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đối với các xã vùng đồng bào DTTS&MN.

- Tiếp tục tham mưu, thực hiện tốt việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, phân loại học sinh ở bậc học THCS, THPT để định hướng học tập, định hướng nghề nghiệp cho phù hợp. Chỉ đạo nâng cao chất lượng toàn diện hệ thống các trường từ mầm non đến THPT, các trường dân tộc nội trú, bán trú ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **15. Sở Giao thông Vận tải**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu xây dựng cơ chế hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương liên quan thực hiện xây dựng hệ thống giao thông nông thôn đối với các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **16. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Vĩnh Phúc**

- Tham mưu đề xuất nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội từ Trung ương và của tỉnh Vĩnh Phúc và các nguồn vốn huy động khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục vay vốn, hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, phát huy hiệu quả của nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội, góp phần giảm nghèo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp tham mưu thực hiện nội dung: Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc Dự án 1.

### **17. Đề nghị Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh và các Tổ chức chính trị xã hội**

- Xây dựng kế hoạch, chương trình phối hợp, thống nhất hành động cụ thể để tuyên truyền, vận động, huy động nguồn lực thực hiện Chương trình phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; thống nhất, có phân công cụ thể các tổ chức đoàn thể phụ trách hỗ trợ từng địa bàn thuộc phạm vi của Kế hoạch.

- Chủ động tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, phát huy vai trò, trách nhiệm và sự vào cuộc với vai trò chủ thể của đoàn viên, hội viên và nhân dân trong tham gia thực hiện Chương trình.

- Thực hiện tốt vai trò giám sát phản biện trong quá trình thực hiện Chương trình, từ đó kiến nghị các giải pháp, cơ chế, chính sách cụ thể để thực hiện có hiệu quả Chương trình.

### **18. UBND các huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, thành phố trong giai đoạn 2022-2025 và từng năm.

- Phối hợp với các Sở, ngành tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch trên địa bàn huyện, thành phố.

- Chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung, thành phần của các dự án được phân công chủ trì thực hiện được giao trong Kế hoạch.

- Thực hiện tốt bước lập kế hoạch, chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ đối với các chương trình, dự án, nội dung cụ thể được phê duyệt. Quản lý, sử dụng nguồn lực đầu tư, hỗ trợ đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng, đảm bảo tiến độ, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm túc, trách nhiệm trong công tác chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, giám sát, hướng dẫn thực hiện Chương trình, kịp thời giải quyết, kiến nghị giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình từ cơ sở. Định kỳ sơ, tổng kết, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định.

- Tập trung xây dựng, nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất, liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; lấy sản xuất là trung tâm để nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân, giảm nghèo bền vững.

### **19.UBND các xã vùng đồng bào DTTS & miền núi**

- Triển khai, tổ chức thực hiện tại địa phương theo Kế hoạch đã được UBND tỉnh và UBND cấp huyện phê duyệt. UBND các xã xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, huy động sự vào cuộc với trách nhiệm cao, phát huy rõ vai trò chủ thể của chính cộng đồng, người dân tại địa phương, nhà nước hỗ trợ, người dân chủ động thực



hiện, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại trong cộng đồng, người dân tại địa phương.

- Huy động tổng thể nguồn lực từ cộng đồng, người dân; thực hiện nghiêm túc việc lấy ý kiến nhân dân, phát huy vai trò giám sát của cộng đồng trong quá trình thực hiện từ cơ sở và phải xây dựng được quy chế, cơ chế quản lý, khai thác, phát huy hiệu quả sử dụng của các công trình, dự án sau khi đã được đầu tư hỗ trợ.

- Chủ động, kịp thời phát hiện, giải quyết, đề xuất giải quyết những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch tại cơ sở. Đánh giá tiến độ thực hiện hàng tháng, quý của cấp ủy, chính quyền địa phương. Định kỳ tiến hành sơ kết, tổng kết và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đảm bảo chất lượng theo quy định.

**20. Báo Vĩnh Phúc, Đài Phát thanh và Truyền hình Vĩnh Phúc, Cổng thông tin GTĐT:** Có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu của Chương trình.

Các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố được giao nhiệm vụ chủ trì thực hiện các dự án, tiểu dự án; các đơn vị được giao nhiệm vụ hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung của các dự án, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng một lần, báo cáo năm (trước ngày 25 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng và trước 25 tháng 12 hàng năm đối với báo cáo năm) và báo cáo tổng kết Chương trình vào năm 2025 với UBND tỉnh (qua Ban Dân tộc) để kịp thời chỉ đạo, thực hiện.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Dân tộc) để tổng hợp, đề xuất chỉ đạo giải quyết./.